TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/DS-ST
Ngày: 20-01-2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Mỹ Phúc.

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025, về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2025/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S; trụ sở chính: Tòa nhà T, số A T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N. Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy N1. Chức vụ: Trưởng Phòng PGD Long Hồ - Ngân hàng TMCP S. (văn bản ủy quyền số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Ngọc N2. Chứ vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh V – Phòng G. (văn bản ủy quyền số 115 ngày 12/8/2025). (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1997; nơi cư trú: Số I, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S *trình bày:*

Ngày 18/8/2020 Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là S1) và anh Nguyễn Thanh T ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị

cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, số thẻ 356480- 5396, lãi suất tại thời điểm mở thẻ là 2,6%/năm, mục đích tiêu dùng cá nhân. Khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng.

Quá trình sử dụng thẻ, anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 22/7/2025, Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 22/7/2025, anh T còn nợ số tiền là 17.548.179 đồng trong đó vốn gốc là 16.392.009 đồng, nợ lãi quá hạn 1.156.170 đồng.

Ngân hàng yêu cầu anh T phải trả cho ngân hàng toàn bộ tiền tính đến ngày 19/12/2025 là 20.472.609 đồng trong đó vốn gốc là 16.392.009 đồng, nợ lãi quá hạn 4.080.600 đồng. Kể từ ngày 20/12/2025, anh T còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng đã ký và buộc anh T chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do; không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Nguyễn Thanh T. Cụ thể: S1 yêu cầu anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho S1 tính đến ngày 20/01/2026 số tiền tổng cộng là 21.198.049 đồng, trong đó nợ gốc 16.392.009 đồng, nợ lãi quá hạn 4.806.040 đồng. Kể từ ngày 21/01/2026, anh T còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng đã ký.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thanh T trả nợ gốc lãi theo hợp đồng sử dụng

thẻ tín dụng (áp dụng cho khách hàng cá nhân). Do đó đây là vụ án tranh chấp về "Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thanh T có nơi cư trú trên địa bàn phường P, tỉnh Vĩnh Long vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho S1 số tiền tổng cộng là 21.198.049 đồng tính đến ngày 20/01/2026 (trong đó nợ gốc 16.392.009 đồng, nợ lãi quá hạn 4.806.040 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng từ ngày 21/01/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với khoản tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 18/8/2020, anh Nguyễn Thanh T ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với S1 thỏa thuận hạn mức sử dụng thẻ là 15.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng anh T chưa thanh toán nghĩa vụ còn lại đến cuối kỳ (ngày 22/7/2025) với số tiền là 16.392.009 đồng cho Ngân hàng đã vi phạm các Điều 1, Điều 2, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S1. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản tiền lãi: Đến ngày 20/01/2026 S1 xác định anh Nguyễn Thanh T còn nợ lãi nợ lãi quá hạn 4.806.040 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận lãi suất và phí quy định tại Điều 23, Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân. S1 yêu cầu tiếp tục tính lãi và phí phát sinh theo hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ là có căn cứ đúng pháp luật phù hợp với quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Thanh T phải chịu 1.060.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng S1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 438.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 101, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bị đơn Nguyễn Thanh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tổng cộng là 21.198.049 đồng (hai mươi mốt triệu một trăm chín mươi tám ngàn không trăm bốn mươi chín đồng) tính đến ngày 20/01/2026 trong đó nợ gốc 16.392.009 đồng, nợ lãi quá hạn 4.806.040 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/01/2026) bị đơn Nguyễn Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc bị đơn Nguyễn Thanh T phải chịu 1.060.000 đồng (một triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 438.000 đồng (bốn trăm ba mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008548 nộp ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TVL;
- VKSND KV1 - VL;
- Phòng THADS KV1;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Hải Châu